

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Võ Minh Sơn</i>	<i>Phan Minh Phức</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120143	VÕ TĂNG THỊ QUỲNH	ANH	04/05/2003	CCQ2112E		<i>Quỳnh</i>			9.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121120068	NGUYỄN QUỐC BẢO	BẢO	25/10/2003	CCQ2112B		<i>Bảo</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120063	NGÔ THỊ NGỌC	BÍCH	23/01/2003	CCQ2112B		<i>Bích</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120120315	BẢO THỊ NGỌC	CHÂU	20/09/2000	CCQ2012J		<i>Chau</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120008	TRẦN THỊ TRÚC	CHI	02/04/2003	CCQ2112A		<i>Chi</i>			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121120010	VŨ QUỐC CƯỜNG	CƯỜNG	03/11/2003	CCQ2112A		<i>Cuong</i>			9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120120667	NGUYỄN HỒNG DIỆP	DIỆP	07/08/2001	CCQ2012I		<i>Diệp</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121120154	NGUYỄN ĐỖ THIÊN DŨNG	DŨNG	26/07/2002	CCQ2112E						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119120076	NGUYỄN LÊ HOÀNG DUY	DUY	28/03/2001	CCQ1912C						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121120031	TỔNG THỊ MỸ DUYÊN	DUYÊN	29/01/2003	CCQ2112A		<i>Duyen</i>			9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121120253	PHAN THỊ KIM ĐÀI	ĐÀI	23/05/2003	CCQ2112H						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120023	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	ĐẠT	02/12/2003	CCQ2112A						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121120187	NGUYỄN THỊ ĐIỆP	ĐIỆP	23/10/2003	CCQ2112F		<i>Diệp</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119120484	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	HÀ	04/12/2001	CCQ1912N		<i>Ha</i>			7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121120195	NGUYỄN THỊ THU HÀ	HÀ	18/02/2003	CCQ2112F						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120357	HUỲNH ANH HÀO	HÀO	07/06/2003	CCQ2112K		<i>ha</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120120322	LÊ MINH HOÀNG	HOÀNG	01/06/2002	CCQ2012J		<i>huong</i>			8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120026	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	HUYỀN	13/05/2003	CCQ2112A		<i>huyen</i>			8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121120067	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	HUYỀN	28/08/2003	CCQ2112B		<i>huyen</i>			8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121120055	ĐÀM THỊ NHƯ HUỲNH	HUỲNH	13/07/2003	CCQ2112B		<i>nhu</i>			8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt: 60

Số bài thi: 60

Số tờ giấy thi: 60

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Võ Minh Sơn</i>	<i>Hà Minh Phước</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120004	LAC THI ĐIỂM	KHA	09/01/2003	CCQ2112A		<i>Kha</i>			7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121120022	HỒ TRẦN THẠCH	LAM	22/02/2003	CCQ2112A		<i>Lam</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121120066	LÊ THỊ MỸ	LAN	19/04/2003	CCQ2112B		<i>Lan</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120028	NGUYỄN THỊ CẨM	LEN	15/01/2003	CCQ2112A		<i>Len</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120109	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	22/08/2003	CCQ2112D		<i>Linh</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121120060	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	LINH	27/12/2003	CCQ2112B		<i>Linh</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121120405	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	29/06/2003	CCQ2112L		<i>Loan</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121120037	LÊ THÀNH	LONG	14/05/2003	CCQ2112B		<i>Th</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121120356	NGUYỄN MINH MINH	LÝ	01/02/1993	CCQ2112K		<i>Ly</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121120020	HOÀNG THỊ	MINH	13/10/2003	CCQ2112A		<i>Minh</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2120240072	TRẦN NGỌC BÍCH	NGÂN	01/08/2002	CCQ2012C		<i>Ngan</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121120062	NGUYỄN KHÁNH	NGOAN	20/04/2003	CCQ2112B		<i>Ngan</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2120120639	PHAN THỊ MỸ	NGỌC	16/12/2002	CCQ2012D		<i>Ngoc</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121120365	PHAN THIẾN	NGỌC	06/07/2003	CCQ2112K		<i>ngoc</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2120120331	TRƯƠNG THỊ	NHÀI	13/02/2002	CCQ2012J						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121120018	LÀ PHƯƠNG	NHI	14/02/2001	CCQ2112A		<i>nhi</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121120163	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	20/11/2002	CCQ2112E		<i>nhi</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2120120332	TRỊNH THỊ YẾN	NHI	21/09/2001	CCQ2012J		<i>Nhi</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121120046	VÕ THỊ MỸ	NHƯ	02/01/2003	CCQ2112B		<i>Nhu</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2120120437	VÕ THỊ	NHƯƠNG	05/11/2002	CCQ2012M		<i>Nhuong</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:60.....

Số bài thi:60.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Khánh Sơn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Hà Minh Phức</i>
------------------	------------------	---------------------------------------	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119120365	HUỖNH THỊ PHẤN	27/03/2001	CCQ1912K			<i>Phấn</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121120414	NGUYỄN VĂN QUÝ	08/03/2003	CCQ2112L			<i>Quý</i>			9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121120009	TRƯƠNG THỊ MỘNG	07/05/2003	CCQ2112A			<i>Mộng</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2120120643	LÊ THANH THỦY	09/09/2002	CCQ2012D			<i>Thủy</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121120012	TRẦN BÍCH THỦY	14/07/2003	CCQ2112A			<i>Thủy</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121120576	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	28/07/2003	CCQ2112Q			<i>Thủy</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2120120305	LÊ THÁI ANH THỨ	21/05/2002	CCQ2012I			<i>Thứ</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2121120314	NGUYỄN THỊ MINH THỨ	09/03/2001	CCQ2112I			<i>Thứ</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2121120141	NGUYỄN THỊ NHƯ THƯỜNG	17/09/2002	CCQ2112E			<i>Thuờng</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121120034	NGUYỄN THỊ TÌNH	27/07/2002	CCQ2112A			<i>Tình</i>			9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2120120570	LƯƠNG THỊ HUỖN	06/12/2002	CCQ2012J							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2121120164	TRẦN MINH TRÍ	09/01/2003	CCQ2112E			<i>Trí</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2121120029	BÙI THỊ DIỄM TRINH	23/06/2003	CCQ2112A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2120120309	BÙI THỊ VĨNH TRINH	10/01/2002	CCQ2012I			<i>Vinh</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2120120450	LÊ THỊ TRINH	15/06/2002	CCQ2012M							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2119120413	LÊ THỊ PHƯƠNG TRINH	28/02/1999	CCQ1912L							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2121120390	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG TRÚC	17/10/2002	CCQ2112L			<i>Trúc</i>			9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2121120065	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	29/06/2003	CCQ2112B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2121120056	THÂN NGUYỄN NGỌC TRÚC	21/06/2003	CCQ2112B			<i>Trúc</i>			9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2121120041	TRẦN THỊ THANH TRÚC	12/10/2003	CCQ2112B			<i>Trúc</i>			9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt: 60

Số bài thi: 60

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		Vũ Minh Sơn	Nguyễn Văn Phú

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2120120673	ĐINH CÔNG TRƯỜNG	21/01/2002	CCQ2012J			[Chữ ký]			8.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	2121120002	NGUYỄN HUỲNH ANH	09/10/2003	CCQ2112A			[Chữ ký]			8.5	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	2121120035	ĐẶNG KIM TUYẾN	02/12/2003	CCQ2112A			[Chữ ký]			8.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	2121120024	NGUYỄN THỊ KIM	23/09/2003	CCQ2112A			[Chữ ký]			9.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	2121120150	NGUYỄN THỊ NGỌC	01/01/2003	CCQ2112E			[Chữ ký]			9.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	2121120017	ĐÀO THỊ THU VÂN	17/02/2001	CCQ2112A			[Chữ ký]			7.5	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	2121120033	LÊ THỊ VIỆT	12/10/2003	CCQ2112A			[Chữ ký]			8.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	2121120005	BÙI TRÚC VY	16/11/2003	CCQ2112A			[Chữ ký]			8.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	2121120054	HỒ THANH XUÂN	12/05/2003	CCQ2112B			[Chữ ký]			8.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	2121120569	LÊ THỊ THANH XUÂN	05/02/2003	CCQ2112Q			[Chữ ký]			8.0	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	2121120190	LÊ THỊ NHƯ Ý	14/05/2002	CCQ2112F			[Chữ ký]			8.5	[V] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	[.] 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Võ Minh Sơn</i>	<i>Phạm Linh</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120143	NGUYỄN THỊ BÌNH	09/08/2000	CCQ2012E			<i>Bình</i>			9.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121120129	VÕ VĂN BÌNH	19/04/2003	CCQ2112D			<i>Bình</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121120178	NGUYỄN TRƯỜNG CHÂN	27/03/2003	CCQ2112F			<i>Chân</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121120098	MAI THỊ QUỲNH	14/04/2003	CCQ2112C			<i>Chi</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121120104	LÊ THỊ KIM	13/10/2003	CCQ2112C			<i>Cue</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121120078	TRẦN MINH CƯỜNG	03/06/2003	CCQ2112C			<i>Cường</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121120071	TRẦN VĂN ĐỨC	20/01/2003	CCQ2112C			<i>Đức</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120120148	ĐOÀN LÊ TUẤN	22/11/2002	CCQ2012E			<i>Hải</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120120073	NGUYỄN THỊ THANH	04/10/2002	CCQ2012C			<i>Hà</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120120614	NGUYỄN THỊ THU	06/03/2002	CCQ2012R			<i>Huyền</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2120120285	NGUYỄN SÔNG	02/05/2002	CCQ2012I							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120120362	NGUYỄN PHAN ZON	22/11/2002	CCQ2012K							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120120154	PHẠM THẾ HUY	05/08/1999	CCQ2012E			<i>Huy</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120120156	VŨ THỊ NHƯ HUYỀN	01/10/2002	CCQ2012E			<i>Huyền</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121120107	NGUYỄN HOÀNG KHUÊ	30/10/2003	CCQ2112D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121120413	NGUYỄN ĐOÀN TUẤN	29/04/2003	CCQ2112L			<i>Kiet</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2120120527	NGUYỄN THỊ KIM KIỂU	16/04/2002	CCQ2012P							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2120120162	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	21/08/2002	CCQ2012C							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121120525	NGUYỄN THỊ THU LINH	16/08/2003	CCQ2112O							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120120501	PHẠM VĂN LINH	04/03/2002	CCQ2012O			<i>Linh</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Vs Minh Sơn</i>	<i>Huỳnh Phú</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120140	ĐỖ LAN BẢO	16/09/2003	CCQ2112D							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121120073	LÊ THỊ NHƯ	20/08/2003	CCQ2112C			<i>Ngọc</i>			8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121120521	PHAN THỊ ÁNH	15/07/2003	CCQ2112O			<i>Nguyễn</i>			7.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120120222	MAI KIM	17/08/2001	CCQ2012G							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121120110	NGUYỄN HỮU	14/11/2003	CCQ2112D							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121120072	CAO THỊ LINH	21/07/2002	CCQ2112C			<i>Như</i>			9.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121120639	PHAN LÊ UYÊN	20/12/2003	CCQ2112Q			<i>Như</i>			8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120216	TRẦN THỊ YẾN	19/11/2003	CCQ2112G			<i>Như</i>			9.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121120032	NGUYỄN ĐÌNH ANH	06/01/1999	CCQ2112A			<i>Đức</i>			9.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121120083	NGUYỄN MANH	24/12/2003	CCQ2112C							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120120654	TRẦN VĂN	14/10/2002	CCQ2012F			<i>Đức</i>			9.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121120080	TRẦN THỊ KIM	16/11/2003	CCQ2112C			<i>Quỳnh</i>			7.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120096	NGUYỄN THỊ NHƯ	26/11/2003	CCQ2112C			<i>Đức</i>			7.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121120087	ĐỖ THU	21/01/2003	CCQ2112C							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121170047	HUYỀN QUỐC	19/03/2003	CCQ2112R			<i>Tan</i>			7.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120120600	NGUYỄN TUẤN	23/04/2002	CCQ2012Q			<i>Tan</i>			8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121120082	LƯU HỒNG	13/06/2003	CCQ2112C			<i>Thảo</i>			8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121120387	NGUYỄN VĂN	11/01/2002	CCQ2112L			<i>Thảo</i>			9.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121120636	ĐẶNG THỊ KIM	22/06/2003	CCQ2112R			<i>Thảo</i>			9.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121120106	NGUYỄN MỸ	04/12/2003	CCQ2112D							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt: 36.....

Số bài thi: 36.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<u> </u> Võ Minh Sơn	<u> </u> Hà Kim Phôi

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120120099	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	19/09/2002	CCQ2012C		<u> </u>			<u>9.5</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121120221	PHẠM MAI PHƯƠNG	TRÂM	13/03/2003	CCQ2112G		<u> </u>			<u>9.0</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121120595	TRƯƠNG THỊ BÍCH	TRÂM	04/03/2003	CCQ2112M		<u> </u>			<u>9.0</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121120601	VÕ THỊ THANH	TRÂN	10/06/2003	CCQ2112R		<u> </u>			<u>9.5</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2120120514	HỒ QUỐC	TRUNG	01/01/2002	CCQ2012O							
46	2120120173	PHẠM GIA	TRƯỜNG	23/09/2001	CCQ2012E							
47	2121120105	TRƯƠNG CÔNG	TRƯỜNG	12/03/2003	CCQ2112C		<u> </u>			<u>8.0</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2120120451	HỒ THỊ THANH	TÚ	17/05/2002	CCQ2012M							
49	2120120207	TRẦN THỊ NGỌC	TÚ	01/05/2002	CCQ2012F		<u> </u>			<u>9.5</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121120111	LÊ ĐĂNG THANH	TUYẾN	27/09/2003	CCQ2112D							
51	2121120652	NGUYỄN THÀNH	VINH	26/01/2001	CCQ2112C		<u> </u>			<u>8.0</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2120120312	PHẠM THỊ THU THẢO	VY	06/09/2002	CCQ2012I							
53	2121120643	VÕ THỊ NHƯ	Ý	15/08/2001	CCQ2112G		<u> </u>			<u>8.0</u>	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 03

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt: 53

Số bài thi: 55

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Võ Minh Sơn</i>	<i>Phạm Phú</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120141	DƯƠNG TRƯỜNG AN	24/08/2001	CCQ2012E			<i>Đ</i>			8.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121120442	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	26/11/2003	CCQ2112M			<i>Ánh</i>			9.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121120545	VƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	27/01/2003	CCQ2112P							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121120193	NGUYỄN KIM BÌNH	14/02/2003	CCQ2112F			<i>B</i>			9.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120120644	LÊ THỊ KIM CHI	30/10/2002	CCQ2012E			<i>Ch</i>			9.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121120185	NGUYỄN THỊ KIM CHI	15/08/2003	CCQ2112F			<i>Ch</i>			8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121120171	PHẠM THỊ YẾN	10/01/2003	CCQ2112E							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2120120318	HOÀNG THỊ KIM DUNG	11/04/2002	CCQ2012J			<i>B</i>			9.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2120110325	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	22/01/2002	CCQ2012I							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2120120588	TRƯƠNG MỸ DUYÊN	13/04/2002	CCQ2012Q			<i>Đ</i>			8.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121120196	PHẠM TRUNG DƯƠNG	13/07/2003	CCQ2112F			<i>Đ</i>			9.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120120494	LÊ ĐÌNH ĐẠT	11/07/2002	CCQ2012O			<i>Đ</i>			7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120120689	BÙI THỊ GIANG	26/07/2002	CCQ2012R			<i>Giang</i>			7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120120590	NGUYỄN THỊ HẠNH	03/08/2002	CCQ2012Q			<i>H</i>			7.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2120120457	VŨ THỊ MỸ HẠNH	05/06/2002	CCQ2012N			<i>H</i>			9.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121120616	HUỲNH THÁI NGỌC HÂN	27/07/2003	CCQ2112R			<i>H</i>			8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121120170	BÙI MAI HIỀN	26/11/2003	CCQ2112E			<i>H</i>			8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120153	LÊ VĂN HIẾP	01/07/2003	CCQ2112E							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121120148	TRẦN THỊ LÝ HÒA	22/04/2003	CCQ2112E			<i>H</i>			9.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120120616	TRẦN NHẬT HOÀNG	10/06/2002	CCQ2012R			<i>H</i>			8.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 03**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt: ...55...

Số bài thi: ...55...

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>[Signature]</i> Nguyễn Linh Sơn	<i>[Signature]</i> Trần Linh Phương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã ĐỀ	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120101	HỒ THỊ TUYẾT HỒNG	15/08/2003	CCQ2112C			<i>[Signature]</i>			9.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121120479	CHÂU GIA HUỆ	12/09/2001	CCQ2112N			<i>[Signature]</i>			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121120149	NGÔ KIM HUỆ	12/12/2003	CCQ2112E							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119120645	LÔ THẾ HUY	28/06/2000	CCQ1912M							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2118120562	NGUYỄN NGỌC HƯỜNG	08/11/2000	CCQ1812G							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120120716	PHẠM LÊ ANH KHOA	30/06/2002	CCQ2012Q							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120120289	GIANG TRUNG KIẾN	29/09/2001	CCQ2012I			<i>[Signature]</i>			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121120203	NGÔ TUẤN KIẾT	13/06/2003	CCQ2112F			<i>[Signature]</i>			7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121120145	ĐẶNG THỊ THÚY KIỀU	11/01/2003	CCQ2112E							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2117120298	PHẠM NGUYỄN HOÀNG KIM	31/07/1999	CCQ1712E			<i>[Signature]</i>			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121120423	CAO THỊ THUY LINH	03/01/1998	CCQ2112M			<i>[Signature]</i>			8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121110097	NGUYỄN VĂN LỘC	25/09/2003	CCQ2112R			<i>[Signature]</i>			9.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121120264	NGUYỄN VĂN LỢI	02/10/2002	CCQ2112H							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120664	LÊ VĂN LỰC	02/07/2002	CCQ2012H							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121120210	HỒ CẢNH MANH	25/10/2003	CCQ2112F			<i>[Signature]</i>			9.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121120594	PHAN NHẬT MINH	04/03/2003	CCQ2112M			<i>[Signature]</i>			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121120201	CHẾ LÊ MY	23/11/2003	CCQ2112F			<i>[Signature]</i>			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121120486	NGUYỄN ĐẶNG KIM NGÂN	02/11/2003	CCQ2112N			<i>[Signature]</i>			9.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121120628	LÊ KIM NGỌC	17/12/2003	CCQ2112R			<i>[Signature]</i>			9.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121120483	PHAN NHƯ NGỌC	11/02/2003	CCQ2112N			<i>[Signature]</i>			8.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 03

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt: 55

Số bài thi: 55

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Võ Minh Sơn</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Phước</i>
------------------	------------------	---	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã ĐỀ	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120120646	ĐỖ THỊ HỒNG	NGUYỄN	15/12/2002	CCQ2012E		<i>Nguyen</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121120480	TRẦN QUANG	NHẬT	01/12/2002	CCQ2112N		<i>Tran</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2120120167	PHẠM NGUYỄN CHÍ	PHÚC	24/11/2002	CCQ2012E		<i>Pham</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2119120467	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	29/03/2000	CCQ1912M						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2120120336	LỤC THỊ	QUẾ	06/05/2002	CCQ2012J		<i>Luc</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2120120338	LÊ ĐỖ PHƯƠNG	QUỲNH	26/07/2002	CCQ2012J		<i>Le</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2120120339	LÊ ĐỖ XUÂN	QUỲNH	26/07/2002	CCQ2012J		<i>Le</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2121120146	BÙI THỊ NGỌC	THẢO	27/05/2003	CCQ2112E		<i>Bui</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2121120445	DANH THỊ THU	THẢO	26/12/2003	CCQ2112M		<i>Danh</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121120248	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/08/2003	CCQ2112H		<i>Phu</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2120120721	PHẠM QUỐC	THỊNH	09/12/2002	CCQ2012Q		<i>Pham</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2119120471	ĐẶNG THANH	THÚY	12/05/2001	CCQ1912M						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2120120345	ĐỖ THỊ MINH	THỨ	24/10/2002	CCQ2012J		<i>Do</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2121120241	LÊ NGUYỄN ANH	THỨ	29/06/2002	CCQ2112G		<i>Le</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2120120655	LÊ THỊ MINH	THỨ	17/08/2002	CCQ2012F		<i>Le</i>			9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2121120243	LƯƠNG VĂN	TÓI	28/04/2003	CCQ2112G						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2119120237	HỒ THỊ THÙY	TRANG	27/04/2001	CCQ1912G						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2120240116	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	22/03/2002	CCQ2012R		<i>Le</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2121120651	LÊ KIỂU	TRINH	16/05/2002	CCQ2112B		<i>Le</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2121120267	NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	15/09/2003	CCQ2112H		<i>Nguyen</i>			9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 03**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Nguyễn Sơn</i>	<i>Nguyễn Quốc</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2121120158	NGUYỄN HỮU TRỌNG	16/01/2003	CCQ2112E			<i>Trọng</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	2120120649	HOÀNG THỊ THANH TRÚC	10/07/2002	CCQ2012E			<i>Trúc</i>			7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	2121120208	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	09/11/2003	CCQ2112F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	2121120151	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	21/08/2002	CCQ2112E							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	2121120197	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/09/2003	CCQ2112F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	2121120472	LÊ THỊ CẨM TÚ	31/05/2003	CCQ2112N			<i>Cẩm Tú</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	2121120428	PHẠM THỊ NGỌC TUYẾN	06/02/2003	CCQ2112M			<i>Tuyến</i>			8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	2121120469	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	03/12/2003	CCQ2112N			<i>Kim</i>			9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	2121120642	ĐÀU THỊ THANH VÂN	02/03/2003	CCQ2112F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	2121120478	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	04/05/2003	CCQ2112N			<i>Vi</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	2121120429	TRẦN THỊ HỒNG VI	10/10/2003	CCQ2112M			<i>Vi</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	2121120648	NGUYỄN THỊ VĨ	27/12/1999	CCQ2112J			<i>Vĩ</i>			7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	2121120260	NGUYỄN PHƯƠNG YẾN	31/07/2003	CCQ2112H							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	2120120608	HUỲNH LÊ BẢO YẾN	31/12/2002	CCQ2012Q			<i>Yến</i>			9.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	2121120468	TRẦN THỊ HẢI YẾN	14/11/2003	CCQ2112N			<i>Yến</i>			8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9